

Số: 33/2024/NQ-HĐND

Thừa Thiên Huế, ngày 10 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
KHOÁ VIII, KỲ HỌP LẦN THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 13172/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức thu phí; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

b) Người nộp phí

Tổ chức, cá nhân có yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Điều 2. Mức thu phí, miễn phí

1. Mức thu phí

Đơn vị: đồng

TT	Loại hồ sơ	Đơn vị tính	Mức thu phí	
			Hộ gia đình, cá nhân	Tổ chức
1	Đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai			
1.1	Quyền sử dụng đất hoặc quyền sở hữu	Giấy chứng	330.000	400.000

	tài sản gắn liền với đất hoặc tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai	nhận		
1.2	Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai	Giấy chứng nhận	500.000	520.000
2	Xóa đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai			
2.1	Quyền sử dụng đất hoặc quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai	Giấy chứng nhận	170.000	220.000
2.2	Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai	Giấy chứng nhận	260.000	280.000
3	Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai			
3.1	Quyền sử dụng đất hoặc quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai	Giấy chứng nhận	330.000	400.000
3.2	Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai	Giấy chứng nhận	500.000	520.000
4	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm			
4.1	Quyền sử dụng đất hoặc quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất hoặc tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai	Giấy chứng nhận	170.000	220.000
4.2	Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai	Giấy chứng nhận	260.000	280.000

2. Miễn phí

a) Hộ nghèo, người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên), người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã, thôn, bản có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

b) Các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

c) Yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng do lỗi của cán bộ đăng ký.

d) Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xoá thông báo việc kê biên của Chấp hành viên theo quy định của pháp luật thi hành án.

Điều 3. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

1. Cơ quan thu phí: Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai và các đơn vị được giao nhiệm vụ thu lệ phí theo quy định.

2. Chế độ thu, nộp: Thực hiện theo quy định tại Luật Phí và lệ phí và các văn bản chi tiết, hướng dẫn thi hành.

3. Quản lý và sử dụng phí: Cơ quan thu phí được để lại 90%, 10% nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VIII, kỳ họp lần thứ 9 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2024 có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác Đại biểu - UBND Quốc hội;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; UBNDTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, TP Huế;
- Công báo tỉnh; Công TTĐT tỉnh;
- VP: Lãnh đạo và các CV;
- Lưu: VT, LT.

CHỦ TỊCH

Lê Trường Lưu